

Bản án số: 09/2021/DS-ST

Ngày: 30/ 7 /2021

V/v: Yêu cầu tuyên bố giao dịch
dân sự vô hiệu.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Hữu Như.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thanh Hải

Bà Nguyễn Thị Nguyệt

Thư ký phiên tòa: Bà Lô Thị Lệ Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ,
tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa:

Ông Vũ Hoàng Thái - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 30 tháng 7 năm 2021, tại hội trường Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 08/2021/TLST-DS, ngày 05/5/2021 về việc “Yêu cầu tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐXXST-DS ngày 01/7/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: - Bà **Lý Thị M**, sinh năm 1973/ có mặt.

- Chị **Đỗ Thúy N**, sinh năm 1997/ có mặt.

Cùng nơi cư trú: Xóm G, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: - Ông **Đương Quốc T**, sinh năm 1963/ có mặt.

Nơi cư trú: Xóm T, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Người làm chứng:

1. Bà **Đỗ Thị N1**, sinh năm 1968/ có mặt.

Nơi cư trú: Tổ 01, thị trấn S, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

2. Bà **Trương Hồng Q**, sinh năm 1968/ có mặt.

Nơi cư trú: Xóm T, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Lý Thị M trình bày: Bà kết hôn với ông Đỗ Văn C năm 1996 (đăng ký kết hôn

ngày 26/10/1996) và về sinh sống tại thửa đất số 63, tờ bản đồ số 10 xã H, huyện Đ nhà ông C từ đó đến nay. Năm 2006 sau khi bố mẹ chồng bà chết thì chồng bà được thừa kế thửa đất số 63, tờ bản đồ số 10 xã H, huyện Đ và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên chồng bà là Đỗ Văn C. Ngày 01 tháng 5 năm 2019 chồng bà và ông Dương Quốc T làm giấy viết tay chuyển nhượng một phần thửa đất số 63 tờ bản đồ số 10 xã H. Theo đó ông C chuyển nhượng cho ông T một phần diện tích đất tại thửa đất số 63, tờ bản đồ số 10 xã H, huyện Đ có kích thước chiều tám mặt đường bê tông dân sinh của xóm là 20m, chiều sâu hết đất với giá 250.000.000 đồng. Tuy nhiên hai bên chưa làm thủ tục sang tên theo quy định của pháp luật, ông T mới trả cho chồng bà được 40.000.000 đồng, còn ông C đã giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông C cho ông T để ông T đi làm thủ tục chuyển nhượng đất. Tháng 02 năm 2020 chồng bà qua đời và không để lại di chúc, nay bà và con gái của bà với ông C là Đỗ Thúy N thuộc hàng thừa kế thứ nhất muốn giữ lại toàn bộ đất đai của nhà chồng nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố giao dịch dân sự chuyển nhượng quyền sử dụng một phần thửa đất số 63, tờ bản đồ số 10 xã H giữa chồng bà là Đỗ Văn C và ông Dương Quốc T vô hiệu; yêu cầu giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu; yêu cầu công nhận quyền thừa kế và quyền sử dụng của bà và con gái bà đối với toàn bộ thửa đất số 63, tờ bản đồ số 10 xã H. Mẹ con bà ngoài trả lại cho ông T 40.000.000 đồng chồng bà đã nhận còn tự nguyện trả lãi cho ông T 10%/năm hoặc trả thêm cho ông T 10.000.000 đồng.

Chị Đỗ Thúy N trình bày: Chị là con gái duy nhất của ông Đỗ Văn C và bà Lý Thị M, tháng 02 năm 2020 bố chị qua đời và không để lại di chúc, nay chị và mẹ chị thuộc hàng thừa kế thứ nhất muốn giữ lại toàn bộ đất đai của bố chị được thừa kế từ ông bà nội để lại. Nay chị cũng như mẹ chị yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố giao dịch dân sự chuyển nhượng quyền sử dụng một phần thửa đất số 63, tờ bản đồ số 10 xã H giữa bố chị là ông Đỗ Văn C và ông Dương Quốc T vô hiệu; giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu, yêu cầu công nhận quyền thừa kế và quyền sử dụng của chị và mẹ chị đối với toàn bộ thửa đất số 63, tờ bản đồ số 10 xã H.

Bị đơn ông Dương Quốc T trình bày: Ngày 01/5/2019 ông và ông Đỗ Văn C đã làm giấy chuyển nhượng một phần thửa đất số 63, tờ bản đồ số 10 xã H cho ông với giá là 250.000.000 đồng, theo đó ông C chuyển nhượng cho ông một phần diện tích đất tại thửa đất số 63, tờ bản đồ số 10 xã H có kích thước chiều tám mặt đường bê tông dân sinh của xóm là 20m, chiều sâu hết đất trong đó có 100m² đất ở, còn lại là đất vườn. Theo chính lý bản trích lục bản đồ địa chính dự kiến tách thửa đất số 63 ngày 21/8/2019 thì ông C dự định sẽ chuyển nhượng cho ông T diện tích đất là 1097,4m². Ngày 12/5/2019 ông T đã tạm ứng cho ông C được 40.000.000 đồng, còn ông C đã giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông C cho ông để ông đi làm thủ tục sang tên, khi nào sang tên xong ông sẽ trả nốt số tiền còn lại cho ông C. Tuy nhiên chưa làm thủ tục sang tên xong thì tháng 2 năm 2020 ông C qua đời. Theo ông thì mẹ con chị M không có quyền gì đối với thửa đất này. Nay mẹ con chị M khởi kiện yêu cầu tuyên bố giao dịch dân sự chuyển nhượng quyền sử dụng một phần thửa đất số 63 ngày 01/5/2019 giữa ông và ông C vô hiệu ông

không nhất trí với ý kiến, yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị M là vợ của ông C và cháu Đỗ Thúy N là con gái ông C. Ông yêu cầu gia đình anh C có trách nhiệm sang tên quyền sử dụng đất cho ông theo thỏa thuận ngày 01 tháng 5 năm 2019 giữa ông và ông C sau đó ông sẽ trả nốt số tiền còn lại là 210.000.000 đồng cho gia đình ông C.

Người làm chứng là bà Đỗ Thị N1c trình bày: Bà là chị gái ông Đỗ Văn C. Ông C được sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 63, tờ bản đồ số 10 xã H từ bố mẹ, tất cả các chị em trong gia đình đều biết việc ông C đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ khi ông C còn sống và không ai có ý kiến gì. Bà có biết việc giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông T và ông C ngày 01/5/2019, theo đó ông C chuyển nhượng cho ông T một phần diện tích đất tại thửa đất số 63, tờ bản đồ số 10 xã H có kích thước chiều tám mặt đường bê tông dân sinh của xóm là 20m, chiều sâu hết đất trong đó có 100m² đất ở, còn lại là đất vườn với giá là 250.000.000 đồng. Ngày 12/5/2019 ông T đã tạm ứng cho ông C được 40.000.000 đồng, còn lại ông T chưa trả thêm cho ông C đồng nào. Việc giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông T và ông C ngày 01/5/2019 tất cả các chị em trong gia đình cũng đều biết và mọi người đều đồng ý.

Người làm chứng là bà Trương Hồng Q (vợ ông T) trình bày: Bà có biết việc giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa chồng bà và ông C nhưng không biết cụ thể hai bên thỏa thuận thế nào. Bà không tham gia cùng ông T thực hiện giao dịch việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông C, bà cũng không liên quan gì đến nội dung giao dịch thanh toán giữa hai bên. Việc giao dịch này là do chồng bà tự thực hiện với nghĩa vụ thanh toán bằng tiền là tài sản riêng của chồng bà, số tiền 40.000.000 đồng ông T đã tạm ứng cho ông C là của ông T được thừa kế riêng từ bố mẹ ông T. Nay mẹ con chị M khởi kiện ông T bà không liên quan và không có yêu cầu, đề nghị gì.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án cùng cơ quan chuyên môn đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đối với thửa đất số 63, tờ bản đồ số 10 xã H đang có tranh chấp về việc chuyển nhượng theo quy định của pháp luật. Kết quả định giá tài sản xác định được đất ở (ONT) tại thửa đất số 63, tờ bản đồ số 10 xã H có giá là 350.000 đồng/m², đất trồng cây lâu năm (vườn tạp) tại thửa 63 có giá là 54.000 đồng/m².

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hoà giải, xong các bên vẫn giữ nguyên quan điểm không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, do vậy Tòa án phải mở phiên tòa xét xử vụ án ngày hôm nay.

Kết thúc phần tranh luận vị đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân đã tuân theo pháp luật tố tụng dân sự về tiếp nhận đơn, thụ lý vụ án, tổng đạt các văn bản tố tụng, quá trình giải quyết và xét xử ... các đương sự chấp hành pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 116, 119, 122, 129, 131, 502, 503, 651 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị M và chị Đỗ Thúy N.

- Tuyên bố giao dịch về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 01/5/2019 đối với một phần thửa đất số 63 tờ bản đồ số 10 xã H, huyện Đ giữa ông Đỗ Văn C với ông Dương Quốc T vô hiệu.

Về hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu:

- Bà bà Lý Thị M và chị Đỗ Thúy N phải trả lại ông Dương Quốc T **40.000.000 đồng**.

- Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lý Thị M và chị Đỗ Thúy N trả thêm cho ông Dương Quốc T **10.000.000 đồng**.

- Ông Dương Quốc T phải trả lại cho bà Lý Thị M và chị Đỗ Thúy N Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 294692 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 22/11/2006 cho ông Đỗ Văn C.

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu công nhận quyền thừa kế và quyền sử dụng của bà Lý Thị M và chị Đỗ Thúy N đối với toàn bộ thửa đất số 63, tờ bản đồ số 10 xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, vì tại phiên tòa bà M và chị N đã tự nguyện xin rút yêu cầu này.

- Buộc đương sự phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật và tuyên các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua cuộc thẩm tra tại phiên Tòa, sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Đ nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án yêu cầu tuyên bố giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thửa đất có tranh chấp thuộc xóm G, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Ông Đỗ Văn C chết không để lại di chúc, theo Điều 651 Bộ luật dân sự bà Lý Thị M (vợ ông C) và chị Đỗ Thúy N (con ông C) thuộc hàng thừa kế thứ nhất (bố mẹ ông C đều đã chết) có quyền thừa kế tài sản của ông C và thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông C có quyền khởi kiện vụ án. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo cho nguyên đơn, bị đơn trình bày bản khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung: Căn cứ vào lời khai của các bên đương sự, người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án xác định được ngày 01/5/2019 ông Đỗ Văn C và ông Dương Quốc T đã làm giấy chuyển nhượng một phần thửa đất số 63, tờ bản đồ số 10 xã H, theo đó ông C chuyển nhượng cho ông T một phần diện tích đất tại thửa đất số 63, tờ bản đồ số 10 xã H có kích thước chiều tám mét đường

bê tông dân sinh của xóm là 20m, chiều sâu hết đất trong đó có 100m² đất ở, còn lại là đất vườn với giá là 250.000.000 đồng. Theo chính lý bản trích lục bản đồ địa chính dự kiến tách thửa đất số 63 ngày 21/8/2019 thì ông C dự định sẽ chuyển nhượng cho ông T diện tích đất là 1097,4m². Ngày 12/5/2019 ông T đã tạm ứng cho ông C được 40.000.000 đồng, khi nào sang tên xong ông T sẽ trả nốt số tiền còn lại cho ông C. Tuy nhiên chưa làm thủ tục sang tên xong thì tháng 2 năm 2020 ông C qua đời.

Tại khoản 2 Điều 117 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “Hình thức của giao dịch dân sự là điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự trong trường hợp luật có quy định”.

Điều 122 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “Giao dịch dân sự không có một trong các điều kiện được quy định tại Điều 117 của Bộ luật này thì vô hiệu, trừ trường hợp Bộ luật này có quy định khác”.

Tại Điều 129 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “Giao dịch dân sự vi phạm quy định điều kiện có hiệu lực về hình thức thì vô hiệu, trừ trường hợp sau đây:

1. Giao dịch dân sự đã được xác lập theo quy định phải bằng văn bản nhưng văn bản không đúng quy định của luật mà một bên hoặc các bên đã thực hiện ít nhất hai phần ba nghĩa vụ trong giao dịch thì theo yêu cầu của một bên hoặc các bên, Tòa án ra quyết định công nhận hiệu lực của giao dịch đó;

2. Giao dịch dân sự đã được xác lập bằng văn bản nhưng vi phạm bắt buộc về công chứng, chứng thực mà một bên hoặc các bên đã thực hiện ít nhất hai phần ba nghĩa vụ trong giao dịch thì theo yêu cầu của một bên hoặc các bên, Tòa án ra quyết định công nhận hiệu lực của giao dịch đó...”.

Điều 502 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về hình thức, thủ tục thực hiện hợp đồng về quyền sử dụng đất:

- “1. Hợp đồng về quyền sử dụng đất phải được lập thành văn bản theo hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật này, pháp luật về đất đai và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Việc thực hiện hợp đồng về quyền sử dụng đất phải đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật về đất đai và quy định khác của pháp luật có liên quan”.

Điều 503 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về hiệu lực của việc chuyển quyền sử dụng đất:

- “1. Việc chuyển quyền sử dụng đất có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký theo quy định của Luật đất đai”.

Căn cứ vào các quy định của pháp luật viện dẫn trên, xét giao dịch về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông C và ông T đối với một phần diện tích đất tại thửa đất số 63, tờ bản đồ số 10 xã H tuy có làm văn bản nhưng văn bản không đúng quy định của pháp luật, vi phạm về hình thức và thủ tục thực hiện hợp đồng về quyền sử dụng đất. Ông T mới thực hiện được 1/6 nghĩa vụ trả tiền đối với

ông C. Do đó yêu cầu tuyên bố giao dịch dân sự chuyển nhượng quyền sử dụng một phần thửa đất số 63, tờ bản đồ số 10 xã H giữa ông Đỗ Văn C và ông Dương Quốc T vô hiệu của nguyên đơn là có căn cứ cần được chấp nhận.

[3]. Về hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu, theo quy định tại Điều 131 Bộ luật dân sự thì bà Lý Thị M và chị Đỗ Thúy N phải trả lại ông Dương Quốc T **40.000.000 đồng**. Ông Dương Quốc T phải trả lại cho bà Lý Thị M và chị Đỗ Thúy N Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Đỗ Văn C. Xét về lỗi làm cho giao dịch dân sự vô hiệu, ông C và ông T đã không cùng nhau làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật, ông T mới chỉ trả cho ông C khoảng 1/6 nghĩa vụ trong giao dịch, do đó xác định lỗi thuộc về cả hai bên. Ngoài ra, ông C dự định chuyển nhượng cho ông T diện tích đất là 1097,4m², trong đó có 100m² đất ở, còn lại là đất vườn. Kết quả định giá xác định được 100m² đất ở có giá 35.000.000 đồng, 997,4m² đất vườn có giá là 53.859.600 đồng, tổng cộng là **88.859.600 đồng**. Như vậy giao dịch dân sự vô hiệu này không làm phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại của bên nào. Tuy nhiên cần ghi nhận sự tự nguyện của bà Lý Thị M và chị Đỗ Thúy N trả thêm cho ông Dương Quốc T **10.000.000 đồng**.

Đối với yêu cầu công nhận quyền thừa kế và quyền sử dụng của bà M và chị N đối với toàn bộ thửa đất số 63, tờ bản đồ số 10 xã H, tại phiên tòa bà M và chị N tự nguyện xin rút yêu cầu này, mặt khác ông T không phải là đối tượng tranh chấp với bà M và chị N về thừa kế tài sản, do đó HĐXX không xem xét và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

[4]. Về án phí: Đương sự phải chịu án phí DSST nộp ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Về chi phí tố tụng khác: Bà Lý Thị M và chị Đỗ Thúy N tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Xét quan điểm về hướng giải quyết vụ án của vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa là có căn cứ, cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, 39, 147, Điều 157, 165, 244, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 116, 119, 122, 129, 131, 502, 503, 651 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị M và chị Đỗ Thúy N.

[1]. **Tuyên bố** giao dịch về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 01/5/2019 đối với một phần thửa đất số 63 tờ bản đồ số 10 xã H, huyện Đ giữa ông Đỗ Văn C với ông Dương Quốc T vô hiệu.

[2]. Về Về hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu:

- Bà Lý Thị M và chị Đỗ Thúy N phải trả lại ông Dương Quốc T **40.000.000 đồng**.

- Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lý Thị M và chị Đỗ Thúy N trả thêm cho ông Dương Quốc T **10.000.000 đồng**.

Tổng cộng bà Lý Thị M và chị Đỗ Thúy N phải trả cho ông Dương Quốc T **50.000.000 đồng** (Năm mươi T đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông Dương Quốc T có đơn yêu cầu thi hành, bà M và chị N không tự nguyện thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi được xác định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Ông Dương Quốc T phải trả lại cho bà Lý Thị M và chị Đỗ Thúy N Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 294692 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 22/11/2006 cho ông Đỗ Văn C.

[3]. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu công nhận quyền thừa kế và quyền sử dụng của bà Lý Thị M và chị Đỗ Thúy N đối với toàn bộ thửa đất số 63, tờ bản đồ số 10 xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

[4]. **Về chi phí tố tụng khác:** Bà Lý Thị M và chị Đỗ Thúy N tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5]. **Án phí:** Ông Dương Quốc T phải chịu **300.000 đồng** tiền án phí DSST nộp ngân sách Nhà nước. Bà Lý Thị M và chị Đỗ Thúy N phải chịu **2.500.000 đồng** tiền án phí DSST có giá ngạch nộp ngân sách Nhà nước. Được trừ vào số tiền **300.000 đồng** tạm ứng án phí bà M đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ theo biên lai thu số 0005117 ngày 27/4/2021 và **300.000 đồng** tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ theo biên lai thu số 0005120 ngày 04/5/2021. Bà Lý Thị M và chị Đỗ Thúy N còn phải nộp **1.900.000 đồng** tiền án phí DSST có giá ngạch nộp ngân sách Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho các bên đương sự (nguyên đơn, bị đơn) biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND huyện Đ;
- THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVA

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đỗ Hữu Nường

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đỗ Hữu Nường

